

Bản án số: 1165/2019/DS-PT

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Thu**

2. Bà **Phan Thị Hằng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Đoàn Bích Trâm**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/11/2019 và ngày 29/11/2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2019/TLPT-DS ngày 23/09/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4688/2019/QĐ-PT ngày 08/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 9179/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9933/2019/QĐ-PT ngày 22/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Kiều Công T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị H, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đặng Văn Q**, sinh năm 1981 (có mặt ngày 22/11/2019, vắng

mặt ngày 29/11/2019)

Địa chỉ: A3, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Hoài H1 (Đặng Văn K), sinh năm 1982 (xin vắng)

2. Bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị N), sinh năm 1987 (xin vắng)

Địa chỉ: A4, Phường B4, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Bá H2, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: A5, Phường B5, Quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Phạm Kim Đ, sinh năm 1946 (xin vắng)

Địa chỉ: A6, Phường B6, Quận C6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: A7, Phường B7, Quận C7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2018, ông Kiều Công T và ông Huỳnh Công Minh có ký Hợp đồng với ông Phạm Kim Đ để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 109-9, 109-10, 109-1-2, 109-2, 108-22 tờ bản đồ số 09, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông T và ông Minh đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần Giờ cập nhật sang tên ngày 05/02/2018.

Tuy nhiên khi kiểm tra đất thì phát hiện ông Đặng Văn Q đang chiếm dụng khoảng 2,6ha đất và cát trên đất căn nhà lá cây tạp. Ông T đã nhiều lần gặp ông Q để trao đổi, nhưng ông Q cố tình né tránh không gặp.

Vì vậy, ông T khởi kiện, yêu cầu ông Đặng Văn Q và những người canh tác trên đất phải tháo dỡ căn nhà và trả lại đất cho ông theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Xây dựng Đo đạc và Dịch vụ nhà đất Kiến Vàng đo ngày 21/01/2019- đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần Giờ kiểm tra nội nghiệp ngày 25/01/2019 với diện tích 26.698,5m², ông T đồng ý hỗ trợ chi phí di dời tài sản: 20.000.000 đồng.

Theo bị đơn- ông Đặng Văn Q trình bày:

Trước đó, ông Nguyễn Bá H2 đã được ông Phạm Kim Đ ủy quyền sử dụng đất. Từ đó ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Bá H2 đã ký Hợp đồng hợp tác

với bị đơn để canh tác nuôi thủy sản. Bị đơn đã dựng 01 căn nhà lá bằng cây tạp trên phần đất tranh chấp để canh tác nuôi tôm. Bị đơn hoàn toàn không biết việc ông Phạm Kim Đ hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Bá H2. Theo bị đơn, phần đất tranh chấp không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn nhận chuyển nhượng từ ông Đ.

Nếu có căn cứ xác định phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, thì bị đơn đồng ý tháo dỡ căn nhà lá, trả lại đất cho nguyên đơn và cũng không nhận số tiền hỗ trợ di dời từ phía nguyên đơn. Bị đơn cũng cho biết ông Đoàn Văn K và bà Nguyễn Thị N là người làm thuê cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Phạm Kim Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông và ông Huỳnh Công Minh nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Nho. Ông và ông Minh cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 05/02/2018 thì chuyển nhượng lại cho nguyên đơn. Ngày 16/02/2017 ông có làm hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Bá H2 thay mặt ông quản lý, sử dụng, sản xuất và xin cất nhà tạm trên đất để phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, khoảng 02 tháng sau- tức ngày 21/4/2017 ông có cùng ông H2 đến Văn phòng công chứng bỏ hợp đồng ủy quyền nêu trên, vì lý do ông Minh không đồng ý nội dung ủy quyền này. Ông và ông H2 có thông báo cho ông Q biết việc hủy bỏ hợp đồng ủy quyền, lúc đó ông Q cũng chưa vào canh tác, hơn nữa ông chỉ ủy quyền cho ông H2 canh tác, sử dụng trên phần đất này. Ông Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo ông Nguyễn Bá H2 trình bày:

Ngày 16/02/2017 ông Đ có ủy quyền cho ông được phép sản xuất trên phần đất tranh chấp hiện nay. Nhưng đến ngày 21/4/2017 ông và ông Đ đã làm hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền ngày 16/02/2017. Trước khi chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, với mục đích trông coi đất giúp ông Đ, nên ông có rủ bị đơn cùng nhau hợp tác sản xuất nuôi tôm, cá trên đất với diện tích khoảng 20 mẫu, khi nào chủ đất đòi thì kết thúc việc nuôi tôm cá. Việc hợp tác giữa ông và bị đơn chỉ thỏa thuận miệng, và thực tế cũng đã chấm dứt kể từ khi Hợp đồng ủy quyền giữa ông Đ và ông bị hủy bỏ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quan điểm của ông, thì phần đất nào nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn thì bị đơn nên trả lại, phần đất nào nằm ngoài giấy chứng nhận thì bị đơn được phép tiếp tục sử dụng vì trước đây ông Đ cũng có lập giấy tay cho ông Nguyễn Văn B canh tác một phần đất nằm ngoài Giấy chứng nh1 quyền sử dụng của ông Đ và ông Minh.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn B:

Vào ngày 23/6/2007 ông Phạm Kim Đ có cho ông phần diện tích đất vượt hạn điền (không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Đ, ông Minh được cấp), không xác định rõ vị trí thửa đất. Đến năm 2017 ông hợp tác với ông Nguyễn Bá H2 và ông Đặng Văn Q để sản xuất nuôi trồng thủy sản, cùng năm 2017 ông có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nhưng chưa đủ điều kiện nên chưa được cấp. Ngoài giấy cho đất của ông Đ, ông không có giấy tờ nào khác về thửa đất nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Đặng Văn K (tức Đặng Hoài H1) trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị N) là người đang trực tiếp canh tác phần đất mà ông Kiều Công T đang tranh chấp với bị đơn. Tuy nhiên ông và bà N chỉ làm công cho bị đơn. Do đó trong việc tranh chấp này, vợ chồng ông không liên quan. Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông và bà N vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Công T đối với ông Đặng Văn Q.

Buộc ông Đặng Văn Q, ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới tháo dỡ, di dời căn nhà lá cây tạp ra khỏi phần đất tranh chấp.

Buộc ông Đặng Văn Q, ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông Kiều Công T diện tích đất 26.698,5m² tại tờ bản đồ số 09 nằm một phần trong các thửa 109-9, 109-10, 109-1-2, 109-1-1, 109-1, 109-2 tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG079630, sổ vào sổ H01533 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cấp ngày 11/9/2005 cho hộ bà Lê Thị Nho, sau đó ngày 24/5/2007 bà Nho chuyển nhượng cho ông Huỳnh Công Minh và ông Phạm Kim Đ, đến ngày 05/02/2018 ông Minh, ông Đ chuyển nhượng cho ông Kiều Công T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB793503, sổ vào sổ H00438 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cấp ngày 24/3/2005 cho hộ bà Trần Thị Mộng Thúy, sau đó ngày 24/5/2007 bà Thúy chuyển nhượng cho ông Huỳnh Công Minh và ông Phạm Kim Đ, đến ngày 05/02/2018 ông Minh, ông Đ chuyển nhượng cho ông Kiều Công T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB793504, sổ vào sổ H00424 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cấp ngày 24/3/2005 cho hộ bà Phạm Thị Thu Hà, sau đó ngày 24/5/2007 bà Hà chuyển nhượng cho ông Huỳnh Công Minh và ông Phạm Kim Đ, đến ngày 09/3/2018 ông Minh, ông Đ chuyển nhượng cho ông Kiều Công T (kèm theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Xây dựng Đo đạc và Dịch vụ nhà đất

Kiến Vàng đo ngày 21/01/2019 được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh huyện Cần Giờ kiểm tra nội nghiệp ngày 25/01/2019).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 22/8/2019, bị đơn ông Đặng Văn Q kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng: buộc ông trả đất, nhưng không xem xét yêu cầu của ông về bồi thường tài sản trên đất; xác định tư cách tố tụng không đúng: không phải Đặng Văn K và Nguyễn Thị N, mà tên chính xác theo Chứng minh nhân dân là Đặng Hoài H1 và Nguyễn Thị G.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời tự nguyện hỗ trợ công sức đầu tư và chi phí di dời cho bị đơn số tiền 400.000.000 đồng như lời đề nghị của bị đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nh1 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, do tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí đầu tư cho bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự, đồng thời điều chỉnh lại tên của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Văn K, Nguyễn Thị N thành Đặng Hoài H1, Nguyễn Thị G.

NH1 ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Kim Đ, ông Đặng Hoài H1, bà Nguyễn Thị G có đơn xin vắng; các ông Nguyễn Bá H2, Nguyễn Văn B dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bị đơn Đặng Văn Q, đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Nguyên đơn- ông Kiều Công T là chủ sử dụng đất hợp pháp theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00437, H 00438 ngày 24/3/2005, H 01533 ngày 11/9/2006 (cập nhật biến động ngày 05/02/2018) và Giấy chứng nhận H 00424 ngày 24/3/2005 (cập nhật biến động ngày 09/3/2018). Trong khi đó, bị đơn Đặng Văn Q là người đang chiếm dụng một phần đất có diện tích 26.698,5m² (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Xây dựng Đo đạc và Dịch vụ nhà đất Kiến Vàng đo ngày 21/01/2019 được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- chi nhánh huyện Cần Giờ kiểm tra nội nghiệp ngày 25/01/2019) để canh tác nuôi thủy sản. Vì vậy theo khoản 1 Điều 166 và Điều 223 Bộ luật Dân sự hiện hành, nguyên đơn hoàn toàn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả lại đất cho mình- đây là quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản”.

[2]. Về việc bị đơn có yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét cho ông, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn khai rằng, trước khi chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, vào ngày 16/02/2017, ông Phạm Kim Đ (đồng chủ sử dụng đất với ông Huỳnh Công Minh) đã lập Hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Bá H2 thay mặt quản lý, sử dụng, sản xuất đối với các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông theo các Giấy chứng nhận nêu trên. Trên cơ sở được sự ủy quyền hợp pháp từ ông Đ, ông H2 đã thỏa thuận góp vốn với bị đơn về việc nuôi thủy sản, trên khu đất khoảng 20 mẫu thuộc quyền sử dụng của ông Đ, ông Minh và một số thửa khác (ngoài quyền sử dụng của ông Đ, ông Minh), bị đơn khẳng định không biết việc ông Đ hủy bỏ sự ủy quyền đối với ông H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có cung cấp thêm bản photo “Hợp đồng góp vốn” (bị đơn khai trước đây đã có nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm), cho thấy ông H2 góp 20% và quyền sử dụng đối với 20 mẫu đất, bị đơn góp 80% tiền với tư cách là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Nông nghiệp Thanh Trung (huyện Cần Giờ). Do tài liệu này không phải là bản chính, nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa đến ngày 29/11/2019 để bị đơn cung cấp bản

chính. Tuy nhiên đến hạn phiên tòa tiếp tục, bị đơn vắng mặt và không cung cấp được chứng cứ bản chính, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo lời khai (tại bức lục 114), bị đơn có yêu cầu phải trả công sức cho ông 400.000.000 đồng, nhưng bị đơn không thực hiện thủ tục phản tố theo quy định của pháp luật, đến thời điểm ký Biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn cũng không có yêu cầu về bồi thường. Hơn nữa, như đã nhận định ở mục [1], quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là đòi tài sản, trong khi đó việc hợp tác, góp vốn giữa bị đơn và ông H2 là một giao dịch dân sự độc lập, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên việc bị đơn tranh chấp đòi bồi thường về tài sản hay công sức đầu tư trên đất, sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác khi bị đơn có yêu cầu. Như vậy, liên quan đến hợp đồng góp vốn giữa bị đơn và ông Nguyễn Bá H2, bị đơn có quyền khởi kiện tranh chấp bằng một vụ kiện dân sự khác.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn nêu ý kiến tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 400.000.000 đồng (thay vì 20.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên), xét sự tự nguyện này không trái pháp luật và bị đơn đồng ý nhận, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

[3]. Về việc bị đơn không thừa nhận Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Xây dựng Đo đạc và Dịch vụ nhà đất Kiến Vàng đo ngày 21/01/2019 (được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- chi nhánh huyện Cần Giờ kiểm tra nội nghiệp ngày 25/01/2019) và cho rằng phần đất mà bị đơn đang canh tác không nằm trong phạm vi đất thuộc chủ quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bản vẽ nêu trên đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra nội nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/5/2019 tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn có tham dự và ký tên vào biên bản này và hoàn toàn không có ý kiến phản đối hay khiếu nại đối với Bản vẽ. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng Bản vẽ làm chứng cứ pháp lý để giải quyết vụ án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Và căn cứ bản vẽ này, cùng với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00437, H 00438 ngày 24/3/2005, H 01533 ngày 11/9/2006 (cập nhật biến động ngày 05/02/2018) và Giấy chứng nhận H 00424 ngày 24/3/2005 (cập nhật biến động ngày 09/3/2018) Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

Bị đơn cho rằng phần đất mà bị đơn đang canh tác không nằm trong phạm vi đất thuộc chủ quyền của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu xác định lại ranh đất, nhưng bị đơn lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, hơn nữa tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị đơn cũng không có yêu cầu, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này.

[4]. Về việc bản án sơ thẩm xác định sai tên của người tham gia tố tụng: không phải Đặng Văn K, Nguyễn Thị N mà là Đặng Hoài H1 và Nguyễn Thị G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua nội dung tự khai vào ngày 08/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị G, ông Đặng Hoài H1 cùng xác định do quen với tên gọi thường ngày, nên ông bà đã ghi và ký tên là Nguyễn Thị N, Đặng Văn K (thay vì ghi tên theo CMND là Nguyễn Thị G, Đặng Hoài H1) khi cung cấp lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm. Ông, bà cũng khẳng định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác nhận điều này. Như vậy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tên, nhưng sự sai phạm này không làm ảnh hưởng quyền lợi ích của các bên đương sự, nên không bị xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, để làm căn cứ hủy án sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp, quyết định sửa bản án sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm bị sửa trong trường hợp này không liên quan đến yêu cầu kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định.

Đối với nguyên đơn, do nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ, nên không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện này.

Về số tiền tạm ứng án phí 36.300.000 đồng của nguyên đơn theo 02 (hai) biên lai thu tiền, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hoàn trả lại cho nguyên và gộp chung vào 01 (một) biên lai thu tiền là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

Về chi phí tố tụng khác: Yêu cầu của bị đơn không được Tòa án chấp nhận, nên phải chịu chi phí đo vẽ, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 32.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn hoàn trả lại chi phí này cho nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 165 và 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vì nguyên đơn cũng tự nguyện chịu, nên không cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 165; Điều 166; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 166; Điều 223 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nh1 yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn Q,

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Buộc ông Đặng Văn Q, ông Đặng Hoài H1 (Đặng Văn K) và bà Nguyễn Thị G (Nguyễn Thị N) có trách nhiệm liên đới tháo dỡ, di dời căn nhà lá cây tạp ra khỏi phần đất tranh chấp, trả lại cho ông Kiều Công T diện tích đất 26.698,5m² thuộc các thửa 109-9, 109-10, 109-1-2, 109-1-1, 109-1, 109-2, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Xây dựng Đo đạc và Dịch vụ nhà đất Kiến Vàng đo ngày 21/01/2019 (được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- chi nhánh huyện Cần Giờ kiểm tra nội nghiệp ngày 25/01/2019).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kiều Công T hỗ trợ cho ông Đặng Văn Q số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bị đơn ông Đặng Văn Q phải chịu.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Kiều Công T (có đại diện là ông Nguyễn Văn L) số tiền 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số 06023 ngày 26/7/2018 và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 06049 ngày 13/8/2018 cùng của Chi cục Thi hành án huyện Cần, Giờ Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bị đơn ông Đặng Văn Q phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 06589 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng khác và đã nộp đủ.

Tất cả thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nHI:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND H.Cần Giờ;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS H.Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên